

Số: 28 /2019/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2019

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ ngân hàng

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt; Nghị định số 80/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2012/NĐ-CP; Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thanh toán;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ ngân hàng.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ ngân hàng

1. Sửa đổi khoản 7, 19, 23, 25 và bổ sung khoản 8a, 8b vào Điều 3 như sau:

“7. Thẻ phi vật lý là thẻ không hiện hữu bằng hình thức vật chất, tồn tại dưới dạng điện tử và chứa các thông tin trên thẻ quy định tại Điều 12 Thông tư này, được tổ chức phát hành thẻ phát hành cho chủ thẻ để giao dịch trên môi trường internet, chương trình ứng dụng trên thiết bị di động; không bao gồm các trường hợp thẻ vật lý có đăng ký chức năng để giao dịch trên môi trường



internet, chương trình ứng dụng trên thiết bị di động. Thẻ phi vật lý có thể được tổ chức phát hành thẻ in ra thẻ vật lý khi chủ thẻ có yêu cầu.”

“8a. Giao dịch nội địa xuất trình thẻ là giao dịch thẻ, trong đó thẻ được phát hành bởi tổ chức phát hành thẻ tại Việt Nam và được sử dụng để thực hiện giao dịch thẻ tại máy giao dịch tự động, thiết bị chấp nhận thẻ tại điểm bán tại Việt Nam.

8b. Giao dịch thanh toán không tại đơn vị chấp nhận thẻ là việc sử dụng thẻ, thông tin thẻ để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ nhưng thực tế không phát sinh việc mua bán, cung ứng hàng hóa, dịch vụ.”

“19. Tổ chức thẻ quốc tế (viết tắt là TCTQT) là tổ chức được thành lập, hoạt động ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nước ngoài, có thỏa thuận với các TCPHT, TCTTT, tổ chức chuyển mạch thẻ và/hoặc các bên liên quan để hợp tác về hoạt động thẻ ngân hàng đối với thẻ có mã TCPHT do TCTQT cấp hoặc thẻ có mã TCPHT của quốc gia khác, phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam và cam kết quốc tế.”

“23. Mã tổ chức phát hành thẻ (Bank Identification Number - viết tắt là BIN) là một dãy chữ số bao gồm: BIN xác định TCPHT theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) tại Quy chế cấp, sử dụng và quản lý mã tổ chức phát hành thẻ ngân hàng, BIN do TCTQT cấp và BIN của quốc gia khác. Trường hợp thẻ có BIN do TCTQT cấp hoặc thẻ có BIN của quốc gia khác, việc cấp, sử dụng và quản lý BIN được thực hiện theo quy định của TCTQT hoặc quốc gia cấp BIN đó.”

“25. Hợp đồng thanh toán thẻ là thỏa thuận giữa TCTTT với ĐVCNT hoặc với TCTQT, tổ chức chuyển mạch thẻ (nếu có) về việc chấp nhận thanh toán hàng hóa, dịch vụ bằng thẻ.”

2. Sửa đổi khoản 2 Điều 8 (đã được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 26/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động thẻ ngân hàng) như sau:

“2. Thực hiện, tổ chức thực hiện hoặc tạo điều kiện để người khác thực hiện các hành vi giao dịch thẻ gian lận, giả mạo; giao dịch thanh toán không tại ĐVCNT.”

3. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 12 như sau:

“a) Tên TCPHT (tên viết tắt hoặc logo thương mại của TCPHT). Trường hợp trên thẻ có in tên viết tắt hoặc logo thương mại của nhiều tổ chức (bao gồm TCPHT, tổ chức hợp tác hoặc liên kết phát hành thẻ với TCPHT, tổ chức chuyển mạch thẻ, TCTQT và các đơn vị liên quan), thông tin trên thẻ cần thể hiện rõ thẻ này được phát hành bởi TCPHT (hoặc thẻ này là tài sản của TCPHT), tránh gây sự nhầm lẫn cho khách hàng;”

4. Sửa đổi khoản 2 Điều 16 (đã được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 26/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động thẻ ngân hàng) như sau:

“2. Đối với chủ thẻ chính là tổ chức: Tổ chức đủ điều kiện mở tài khoản thanh toán được sử dụng thẻ ghi nợ. Tổ chức là pháp nhân được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam được sử dụng thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ, thẻ trả trước. Chủ thẻ là tổ chức được ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân sử dụng thẻ của tổ chức đó hoặc cho phép cá nhân sử dụng thẻ phụ theo quy định tại Thông tư này.”.

5. Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 16 như sau:

“b) Người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi không bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự được sử dụng thẻ ghi nợ, thẻ tín dụng, thẻ trả trước;”.

6. Sửa đổi điểm b, c khoản 3 Điều 17 như sau:

“b) Thẻ tín dụng được sử dụng để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ; nạp, rút tiền mặt theo thỏa thuận giữa chủ thẻ với TCPHT; không được sử dụng thẻ tín dụng để chuyển khoản (hoặc ghi có) vào tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, thẻ trả trước;

c) Thẻ trả trước vô danh chỉ được sử dụng để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ hợp pháp tại thiết bị chấp nhận thẻ tại điểm bán trên lãnh thổ Việt Nam; không được sử dụng để thực hiện giao dịch thẻ trên môi trường Internet, chương trình ứng dụng trên thiết bị di động và không được rút tiền mặt. Việc nạp tiền vào thẻ trả trước vô danh phải tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư này;”.

7. Sửa đổi điểm đ khoản 3 Điều 17 (đã được bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 26/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động thẻ ngân hàng) như sau:

“đ) Thẻ được sử dụng để thanh toán tiền mua các hàng hóa, dịch vụ hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam, bao gồm cả trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ ở nước ngoài; ngoại trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này.”.

8. Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 18 (đã được sửa đổi theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 26/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động thẻ ngân hàng) như sau:

“b) Yêu cầu ĐVCNT cung cấp các tài liệu chứng minh hoạt động kinh doanh của ĐVCNT là hợp pháp khi ký kết hợp đồng với ĐVCNT. TCTTT phải xây dựng tiêu chí lựa chọn ĐVCNT và thực hiện đánh giá, phân loại lần đầu và định kỳ (theo quý hoặc theo năm) các đối tượng có nhu cầu chấp nhận thanh toán thẻ phù hợp với đặc điểm, ngành nghề kinh doanh;”



9. Sửa đổi khoản 5 Điều 18 như sau:

“5. Khi tham gia vào các thỏa thuận về hoạt động thẻ ngân hàng, TCPHT, TCTTT, tổ chức chuyển mạch thẻ, tổ chức bù trừ điện tử giao dịch thẻ phải thỏa thuận về việc các bên liên quan có trách nhiệm tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối, bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền riêng tư cá nhân, bảo mật tài liệu, thông tin thẻ, giao dịch thẻ và tài khoản của chủ thẻ.”.

10. Sửa đổi khoản 3 Điều 21 như sau:

“3. TCTTT được phép hoạt động ngoại hối thì được cung ứng dịch vụ thanh toán thẻ có BIN do TCTQT cấp và thẻ có BIN của quốc gia khác.”.

11. Sửa đổi khoản 5 Điều 22 như sau:

“5. TCTTT không được phân biệt đối xử giữa thanh toán thẻ có BIN do Ngân hàng Nhà nước cấp với thanh toán thẻ có BIN do TCTQT cấp và thanh toán thẻ có BIN của quốc gia khác; không được thỏa thuận với các tổ chức khác để hạn chế hay ngăn chặn việc chấp nhận giao dịch thẻ đồng thương hiệu.”.

12. Sửa đổi khoản 2, 3, 5 Điều 24 như sau:

“2. Việc chuyển mạch đối với các giao dịch nội địa xuất trình thẻ của thẻ có BIN do TCTQT cấp và thẻ có BIN của quốc gia khác giữa TCPHT, TCTTT với TCTQT phải được thực hiện thông qua một cổng do một tổ chức chuyển mạch thẻ được Ngân hàng Nhà nước cấp phép vận hành.

3. Việc bù trừ điện tử các giao dịch thẻ có BIN do TCTQT cấp, thẻ có BIN của quốc gia khác được thực hiện theo thỏa thuận giữa TCPHT, TCTTT và các bên liên quan.”.

“5. Tổ chức chuyển mạch thẻ, tổ chức bù trừ điện tử giao dịch thẻ thực hiện kết nối hệ thống trực tiếp với TCPHT, TCTTT và TCTQT theo thỏa thuận giữa các bên, đảm bảo cung ứng an toàn, liên tục dịch vụ chuyển mạch, các dịch vụ khác cho các tổ chức thành viên, TCTQT tham gia kết nối và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.”.

13. Bổ sung điểm c vào khoản 1 và sửa đổi khoản 2 Điều 31 như sau:

“c) Phối hợp với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đơn vị có liên quan thực hiện thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ các quy định tại Thông tư này khi có yêu cầu.”.

“2. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng; Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ các quy định tại Thông tư này, xử lý các trường hợp vi phạm theo thẩm quyền và thông báo kết quả cho Vụ Thanh toán, các đơn vị liên quan biết.”.

14. Khoản 2 Điều 32 (đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Thông tư số 26/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số

19/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động thẻ ngân hàng và quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 41/2018/TT-NHNN ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động thẻ ngân hàng) được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Khoản 2 Điều 24 Thông tư này được thực hiện kể từ ngày 01/01/2021.”.

15. Thay thế Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-NHNN (đã được thay thế theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 30/2016/TT-NHNN ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán và dịch vụ trung gian thanh toán) bằng Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Điều khoản chuyên tiếp

Đối với các mẫu thẻ đã phát hành trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, thông tin trên thẻ tuân thủ theo quy định tại thời điểm phát hành thẻ. Đối với các mẫu thẻ được TCPHT phát hành mới hoặc có thay đổi kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, TCPHT tuân thủ quy định về thông tin trên thẻ theo quy định tại Thông tư này.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Thanh toán, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức chuyên mạch thẻ, tổ chức bù trừ điện tử giao dịch thẻ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.


Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2020.
2. Khoản 14 Điều 1 Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Lưu: VP, Vụ PC, Vụ TT (5 bản).

THỐNG ĐỐC
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM



Nguyễn Kim Anh

Phụ lục

(Kèm theo Thông tư số 28 /2019/TT-NHNN ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định về hoạt động thẻ ngân hàng)

**TÊN TỔ CHỨC
PHÁT HÀNH THẺ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO VỀ MẪU THẺ PHÁT HÀNH

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Thanh toán)

Tên đơn vị:

- Bảng tiếng Việt:.....

- Bảng tiếng nước ngoài:.....

- Tên viết tắt:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Điện thoại (bộ phận hoặc cán bộ trực tiếp phụ trách):.....

Thực hiện theo khoản 2 Điều 10 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ ngân hàng, chúng tôi thông báo về (các) mẫu thẻ sau:

1. Các thông tin liên quan về mẫu thẻ

Tên thẻ	Phân loại thẻ			Chức năng của thẻ
	Thẻ có BIN do Ngân hàng Nhà nước cấp/ Thẻ có BIN do tổ chức thẻ quốc tế cấp/ Thẻ có BIN của quốc gia khác (đề nghị ghi cụ thể BIN để xác định rõ tổ chức phát hành thẻ)	Thẻ ghi nợ/Thẻ tín dụng/Thẻ trả trước định danh/Thẻ trả trước vô danh	Thẻ vật lý/Thẻ phi vật lý	



Thẻ A (mẫu thẻ chính)				
....				
...				

2. Đối tượng khách hàng, điều kiện phát hành thẻ

3. Vai trò, trách nhiệm của tổ chức phát hành thẻ và các bên liên quan (tổ chức hợp tác hoặc liên kết phát hành thẻ (nếu có)) trong việc phát hành các mẫu thẻ

4. Hình ảnh quét (scan) màu mặt trước và mặt sau của mẫu thẻ (đối với thẻ vật lý)

5. Các thông tin về mẫu thẻ phụ (nếu có):

(Trường hợp không phát hành mẫu thẻ phụ, tổ chức phát hành thẻ ghi rõ không phát hành mẫu thẻ phụ)

Nội dung thông tin	Thẻ A (mẫu thẻ phụ)	
	Nếu giống Thẻ A (mẫu thẻ chính), tích dấu X	Nếu khác Thẻ A (mẫu thẻ chính), đề nghị mô tả cụ thể các thông tin có sự khác biệt
Đối tượng, điều kiện phát hành mẫu thẻ phụ		
Chức năng của mẫu thẻ phụ		
Hình ảnh của mẫu thẻ phụ		

TCPHT chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin do TCPHT cung cấp trong thông báo này. *AM*

Nơi nhận:

- ...
- ...

Đính kèm:

- ...
- ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN
HỢP PHÁP CỦA TCPHT**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)